TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 899/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Bà Trần Thị Nga

– ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa:* Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 446/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 414/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Hữu Đ, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Số 147/1 đường Lê Ngung, khu phố M, phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Cao Thị S, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Số A5/149C ấp X, xã Y, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Phạm Hữu Đ trình bày:

Ông Đ và bà Cao Thị S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Hà

Tĩnh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 8 cấp ngày 26/9/2017. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng thường hay gây gỗ, không có sự tôn trọng và thương yêu, chăm sóc lẫn nhau; tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay ông Đ nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà S.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ xác nhận không có.

Đối với bị đơn bà Cao Thị S: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng bà S vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án và về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Hữu Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Cao Thị S; bị đơn cư trú tại xã Y, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn bà Cao Thị S vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn ông Phạm Hữu Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Ông Đ và bà S tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 8 cấp ngày 26/9/2017; do đó có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Đ và bà S là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ xác định giữa ông và bà S mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vì vậy ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà S. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông Đ và bà S đã từ lâu hai bên ít còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa xét xử bà S vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn liên lạc, tình cảm vợ chồng đã không còn, cả hai không có thiện chí đoàn tụ; mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của ông Phạm Hữu Đ đối với bà Cao Thị S là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: ông Đ xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Hữu Đ đối với bà Cao Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hữu Đ được ly hôn với bà Cao Thị S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 8 đăng ký ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp cho ông Phạm Hữu Đ và bà Cao Thị S không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Phạm Hữu Đ chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0043013 ngày 26/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- UBND X. L, H. H, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khương